TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/DS-ST
Ngày 04-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Lộc
Ông Nguyễn Văn Mầm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thu Khiếm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Trúc G, sinh năm 1987.

Người đại diện hợp pháp của bà G: Ông Phan Hoàng E, sinh năm 1984 - Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 14/7/2023 (chồng bà G, có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thu C, sinh năm 1975 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2023 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn bà Tô Trúc G trình bày yêu cầu khởi kiện:

Ngày 08/01/2022 bà G có cho bà C mượn với số tiền là 57.500.000 đồng, mục đích phục vụ sinh hoạt trong gia đình, giấy mượn tiền do bà viết, nhưng bà

C có ký và ghi họ tên, bà C cam kết trả góp hàng tháng cho đến khi hết số tiền mượn. Tuy nhiên, bà C chỉ góp được 5.000.000 đồng rồi ngưng không góp nữa, mặc dù bà G yêu cầu trả nợ rất nhiều lần nhưng bà C né tránh, hứa hẹn mà không thực hiện trả nợ như cam kết.

Từ những lý do nêu trên, nên bà Tô Trúc G yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thu C cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà G số tiền mượn còn nợ là 52.500.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05 tháng 4 năm 2023 bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông xác định giữa ông với bà C hiện tại vẫn đang là vợ chồng. Tuy nhiên, việc bà C hỏi mượn tiền của bà G thì ông không biết, bà C mượn sử dụng mục đích gì ông cũng không biết, giấy mượn tiền bà C ký tên nhưng ông không xác định có phải chữ ký của bà C hay không và bà C có mượn tiền của bà G hay không ông cũng không biết. Hiện nay bà C đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, đi từ tháng 12/2022 đến nay, lý do bỏ đi ông không rõ. Do ông không biết khoản nợ này nên không đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thu C, Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà bà C không có văn bản trả lời cho Tòa án; Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp và phiên hòa giải 02 lần nhưng bà C vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn bảo lưu yêu cầu như trình bày trên. Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là bà Nguyễn Thu C và ông Nguyễn Văn T hợp lệ 02 lần nhưng bà C và ông T vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thu C và ông Nguyễn Văn T là đúng với quy định pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Bà Tô Trúc G khởi kiện bà Nguyễn Thu C và ông Nguyễn Văn T yêu cầu thanh toán số tiền vốn vay còn nợ, không tính lãi suất nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn bà Nguyễn Thu C và ông Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại ấp C Trung, xã Trần thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái

Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà G đối với bà C và ông T: Bà G yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thu C cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà G số tiền mượn còn nợ là 52.500.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy, việc bà C có mượn tiền của bà G là thực tế có xảy ra vì bà G có cung cấp cho Tòa án giấy mượn nợ, khi mượn tiền bà C có ký tên vào giấy mượn nợ ngày 08/01/2022 với nội dung sẽ trả lại số tiền mượn với hình thức góp (lãi suất 0%), hàng tháng đóng lại mỗi tháng ít nhất là 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền đã mượn trên. Mặc khác, Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà bà C không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối việc khởi kiện của bà G và Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp và phiên hòa giải 02 lần nhưng bà C vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nên được xem là chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Đối với ông T thì tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05 tháng 4 năm 2023 thì ông T xác định giữa ông với bà C hiện tại vẫn đang là vợ chồng, nhưng việc bà C hỏi mượn tiền của bà G thì ông không biết, bà C mượn sử dụng mục đích gì ông cũng không biết. Hiện nay bà C đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, đi từ tháng 12/2022 đến nay, lý do bỏ đi ông không rõ. Như vậy, bà C mượn tiền vào ngày 08/01/2022 đến tháng 12/2022 mới bỏ đi khỏi địa phương nên vào thời gian mượn tiền của bà G thì bà C và ông T vẫn còn đang sống chung với nhau nhưng ông T cho rằng việc bà C hỏi mượn tiền của bà G thì ông không biết, bà C mượn sử dụng mục đích gì ông cũng không biết là không có cơ sở. Mặc khác, bà C đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ nhưng bà C và ông T có mối quan hệ vợ chồng, khoản nợ vay này tồn tại trong thời kỳ hôn nhân của bà C, với ông T, mục đích vay là để phục vụ sinh hoạt của gia đình nên cần phải buộc ông T cùng chịu trách nhiệm liên đới với bà C để thanh toán nợ cho bà G là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình về trách nhiệm liên đới của vợ chồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà G là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ, buộc vợ chồng ông T và bà C cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà G số tiền mượn còn nợ là 52.500.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), lãi suất không yêu cầu nên không xem xét.

Kể từ ngày bà G có đơn yêu cầu thi hành án, T hợp ông T và bà C chậm thanh toán tiền thì hàng tháng ông T và bà C còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Do yêu cầu khởi kiện của bà G được chấp nhận toàn bộ nên ông T và bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền 52.500.000 đồng là 2.625.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà G có dự nộp tiền tạm ứng án phí 1.313.000 đồng (Một triệu ba trăm mười ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008827 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, 264, 266, 267, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tô Trúc G. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thu C cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà G số tiền mượn còn nợ là 52.500.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà G có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông T và bà C chậm thanh toán tiền thì hàng tháng ông T và bà C còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thu C phải chịu nộp là 2.625.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà G có dự nộp tiền tạm ứng án phí 1.313.000 đồng (Một triệu ba trăm mười ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008827 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tạo